

LU T CÔNG OÀN

(*Qu c h i n c C ng hòa xã h i ch ngh a Vi t Nam khóa XIII,
k h p th 3 thông qua ngày 20 tháng 6 n m 2012*)

**TÀI LI UL U HÀNH N IB
DO CÔNG OÀN GIÁO D C
T N H B N TRE BIÊN T P
VÀ PHÁT HÀNH**

B n Tre, ngày 28 tháng 6 n m 2012

M C L C

M C L C.....	1
Ch ng I NH NG QUY NH CHUNG.....	2
Ch ng II QUY N, TRÁCH NHI M C A CÔNG OÀN VÀ OÀN VIÊN CÔNG OÀN	5
M c 1. QUY N, TRÁCH NHI M C A CÔNG OÀN	5
M c 2. QUY N VÀ TRÁCH NHI M C A OÀN VIÊN CÔNG OÀN	8
Ch ng III TRÁCH NHI M C A NHÀ N C, C QUAN, T CH C, DOANH NGHIỆP I V I CÔNG OÀN.....	9
Ch ng IV NH NG B O M HO T NG C A CÔNG OÀN.....	10
Ch ng V GI I QUY T TRANH CH P, X LÝ VI PH M PHÁP LU T V CÔNG OÀN.....	13
Ch ng VI I U KHO N THI HÀNH.....	14
L I GI I THI U.....	15

QU CH I

C NG HÒA XÃ H I CH NGH A VI T NAM

c l p - T do - H nh phúc

Lu t s : 12/2012/QH13

Hà N i, ngày 20 tháng 6 n m 2012

LU T

CÔNG OÀN

C n c Hi n pháp n c C ng hoà xã h i ch ngh a Vi t Nam n m 1992 ã c s a i, b sung m t s i u theo Ngh quy t s 51/2001/QH10;

Qu c h i ban hành Lu t Công oàn.

Ch ng I

NH NG QUY NH CHUNG

i u 1. Công oàn

Công oàn là t ch c chính tr - xã h i r ng l n c a giai c p công nhân và c a ng i lao ng, c thành l p trên c s t nguy n, là thành viên trong h th ng chính tr c a xã h i Vi t Nam, d i s lãnh o c a ng C ng s n Vi t Nam; i di n cho cán b , công ch c, viên ch c, công nhân và nh ng ng i lao ng khác (sau ây g i chung là ng i lao ng), cùng v i c quan nhà n c, t ch c kinh t , t ch c xã h i ch m lo và b o v quy n, l i ích h p pháp, chính áng c a ng i lao ng; tham gia qu n lý nhà n c, qu n lý kinh t - xã h i, tham gia thanh tra, ki m tra, giám sát ho t ng c a c quan nhà n c, t ch c, n v , doanh nghi p; tuyên truy n, v n ng ng i lao ng h c t p nâng cao trình , k n ng ngh nghi p, ch p hành pháp lu t, xây d ng và b o v T qu c Vi t Nam xã h i ch ngh a.

i u 2. Ph m vi i u ch nh

Lu t này quy nh v quy n thành l p, gia nh p và ho t ng công oàn c a ng i lao ng; ch c n ng, quy n, trách nhi m c a Công oàn; quy n, trách nhi m c a oàn viên công oàn; trách nhi m c a Nhà n c, c quan nhà n c, t ch c, n v , doanh nghi p s d ng lao ng i v i Công oàn; b o m ho t ng c a Công oàn; gi i quy t tranh ch p và x lý vi ph m pháp lu t v công oàn.

i u 3. i t ng áp d ng

Lu t này áp d ng i v i công oàn các c p, c quan nhà n c, t ch c chính tr , t ch c chính tr - xã h i, t ch c chính tr xã h i - ngh nghi p, t ch c xã h i - ngh nghi p, n v , doanh nghi p, t ch c khác có s d ng lao ng theo quy nh c a pháp lu t v lao ng, c quan, t ch c n c ngoài, t ch c qu c t ho t ng

trên lãnh thổ Việt Nam có liên quan đến tổ chức và hoạt động công đoàn (sau đây gọi chung là cơ quan, tổ chức, doanh nghiệp), đoàn viên công đoàn và người lao động.

Điều 4. Giải thích từ ngữ

Trong Luật này, các từ ngữ dưới đây có nghĩa như sau:

1. *Quy định công đoàn* là quy định thành lập, gia nhập và hoạt động công đoàn của người lao động, đoàn viên công đoàn và quy định các tổ chức công đoàn theo quy định của pháp luật và quy định của các cơ quan có thẩm quyền.

2. *Công đoàn cơ sở* là tổ chức cơ sở của Công đoàn, tập hợp đoàn viên công đoàn trong một tổ chức cơ quan, tổ chức, doanh nghiệp, các công đoàn cấp trên trực tiếp cơ sở công nhận theo quy định của pháp luật và Điều lệ Công đoàn Việt Nam.

3. *Công đoàn cấp trên trực tiếp cơ sở* là một cấp trong hệ thống tổ chức công đoàn, trực tiếp thực hiện quy định công nhận công đoàn cơ sở, chức năng hoạt động công đoàn cơ sở và liên kết công đoàn cơ sở theo quy định của pháp luật và Điều lệ Công đoàn Việt Nam.

4. *Cán bộ công đoàn chuyên trách* là người được tuyển dụng, bổ nhiệm nhiệm vụ công việc thường xuyên trong tổ chức công đoàn.

5. *Cán bộ công đoàn không chuyên trách* là người làm việc kiêm nhiệm công việc công đoàn, Hội nghị công đoàn các cấp bầu ra hoặc các Ban chấp hành công đoàn chọn, bổ nhiệm vào chức danh Tổng phó tổng công đoàn trên.

6. *Người sử dụng lao động* là cơ quan, tổ chức, doanh nghiệp có tuyển dụng, sử dụng lao động và trả lương theo quy định của pháp luật.

7. *Tranh chấp về quy định công đoàn* là tranh chấp phát sinh giữa người lao động, đoàn viên công đoàn, tổ chức công đoàn với người sử dụng lao động về việc thực hiện quy định công đoàn.

8. *Điều lệ Công đoàn Việt Nam* là văn bản do Hội nghị Công đoàn Việt Nam thông qua, quy định tôn chỉ, mục đích, nguyên tắc tổ chức, hoạt động, cấu trúc cơ bản của Công đoàn; quy định, trách nhiệm của tổ chức công đoàn các cấp; quy định, trách nhiệm của đoàn viên công đoàn.

Điều 5. Quy định thành lập, gia nhập và hoạt động công đoàn

1. Người lao động là người Việt Nam làm việc trong cơ quan, tổ chức, doanh nghiệp có quy định thành lập, gia nhập và hoạt động công đoàn.

2. Trình tự, thành lập, gia nhập và hoạt động công đoàn theo quy định của Luật Công đoàn Việt Nam.

Điều 6. Nguyên tắc tổ chức và hoạt động công đoàn

1. Công đoàn tổ chức thành lập trên cơ sở tự nguyện, tổ chức và hoạt động theo nguyên tắc tập trung dân chủ.

2. Công đoàn tổ chức và hoạt động theo Luật Công đoàn Việt Nam, phù hợp với nguyên lý, chức năng, chính sách của Đảng và pháp luật của Nhà nước.

Điều 7. Hình thức tổ chức công đoàn

Hình thức tổ chức công đoàn gồm có Tổng Liên đoàn Lao động Việt Nam và công đoàn các cấp theo quy định của Luật Công đoàn Việt Nam.

Công đoàn cơ sở tổ chức trong cơ quan nhà nước, tổ chức chính trị, tổ chức chính trị - xã hội, tổ chức chính trị xã hội - nghề nghiệp, tổ chức xã hội - nghề nghiệp, doanh nghiệp, tổ chức khác có sử dụng lao động theo quy định của pháp luật về lao động, cơ quan, tổ chức nước ngoài, tổ chức quần thể hoạt động trên lãnh thổ Việt Nam.

Điều 8. Hợp tác quần thể công đoàn

Hợp tác quần thể công đoàn thể hiện trên cơ sở bỏ phiếu nguyên tắc bình đẳng, tôn trọng các lập trường, quy định của gia đình, phù hợp với pháp luật Việt Nam và thông lệ quốc tế.

Việc gia nhập tổ chức công đoàn quần thể của công đoàn các cấp phải phù hợp với quy định của pháp luật và Luật Công đoàn Việt Nam.

Điều 9. Những hành vi bị nghiêm cấm

1. Cố gắng, gây khó khăn trong việc thể hiện quy định công đoàn.

2. Phân biệt đối xử hoặc có hành vi gây bất lợi về việc làm lao động vì lý do thành lập, gia nhập và hoạt động công đoàn.

3. Sử dụng biện pháp kinh tế hoặc biện pháp khác gây bất lợi về mặt tổ chức và hoạt động công đoàn.

4. Lợi dụng quy định công đoàn vi phạm pháp luật, xâm phạm lợi ích của Nhà nước, quyền, lợi ích hợp pháp của cơ quan, tổ chức, doanh nghiệp, cá nhân.

Chương II
QUY N, TRÁCH NHIỆM CỦA CÔNG OÀN
VÀ OÀN VIÊN CÔNG OÀN

Mục 1. QUY N, TRÁCH NHIỆM CỦA CÔNG OÀN

Điều 10. Nghĩa vụ quy n, lợi ích hợp pháp, chính đáng của người lao động

1. Hợp đồng, điều kiện cho người lao động quy n, nghĩa vụ của người lao động khi giao kết, thực hiện hợp đồng lao động, hợp đồng làm việc vì lợi ích của người lao động.

2. Nghĩa vụ cho tập thể người lao động tham gia, ký kết và giám sát việc thực hiện thỏa thuận lao động tập thể.

3. Tham gia vì lợi ích của người lao động xây dựng và giám sát việc thực hiện thang, bảng lương, mức lương, quy chế trả lương, quy chế thưởng, nghỉ ngơi của người lao động.

4. Nghĩa vụ vì lợi ích của người lao động giám sát các vấn đề liên quan đến quyền lợi và nghĩa vụ của người lao động.

5. Tham gia cho tập thể người lao động pháp luật cho người lao động.

6. Tham gia việc quản lý, tổ chức, cá nhân có thẩm quyền giám sát tranh chấp lao động.

7. Khi nhận xét việc tổ chức, cơ quan nhà nước có thẩm quyền xem xét, giám sát việc quy n, lợi ích hợp pháp, chính đáng của tập thể người lao động hoặc của người lao động bị xâm phạm.

8. Nghĩa vụ cho tập thể người lao động khởi kiện tại Tòa án khi quy n, lợi ích hợp pháp, chính đáng của tập thể người lao động bị xâm phạm; nghĩa vụ cho người lao động khởi kiện tại Tòa án khi quy n, lợi ích hợp pháp, chính đáng của người lao động bị xâm phạm và của người lao động bị quy n.

9. Nghĩa vụ cho tập thể người lao động tham gia tố tụng trong vụ án lao động, hành chính, pháp sư doanh nghiệp bị quy n, lợi ích hợp pháp, chính đáng của tập thể người lao động và người lao động.

10. Tổ chức và lãnh đạo công đoàn theo quy định của pháp luật.

Chính phủ quy định chi tiết Điều này sau khi tham khảo ý kiến của Tổng Liên đoàn Lao động Việt Nam.

Điểm 11. Tham gia quản lý nhà nước, quản lý kinh tế - xã hội

1. Tham gia việc quản lý nhà nước xây dựng chính sách, pháp luật về kinh tế - xã hội, lao động, việc làm, tín dụng, bảo hiểm xã hội, bảo hiểm y tế, bảo hiểm thất nghiệp và chính sách, pháp luật khác liên quan đến thị trường công nhân, quy định, nghĩa vụ của người lao động.

2. Phối hợp với các quan chức nghiên cứu, ứng dụng khoa học, công nghệ, kỹ thuật bảo hiểm lao động, xây dựng tiêu chuẩn, quy chuẩn an toàn, vệ sinh lao động.

3. Tham gia việc quản lý nhà nước quản lý bảo hiểm xã hội, bảo hiểm y tế; giám sát khi xử lý, tố cáo của người lao động, tập thể người lao động theo quy định của pháp luật.

4. Tham gia xây dựng quan hệ lao động hài hòa, ổn định và tin cậy trong các quan hệ, tổ chức, doanh nghiệp.

5. Tham gia xây dựng và thực hiện quy chế dân chủ trong các quan hệ, tổ chức, doanh nghiệp.

6. Phối hợp tổ chức phong trào thi đua trong phạm vi ngành, địa phương, các quan hệ, tổ chức, doanh nghiệp.

Chính phủ quy định chi tiết điểm này sau khi thống nhất với Tổng Liên đoàn Lao động Việt Nam.

Điểm 12. Trình độ kiến thức, pháp luật và kỹ năng xây dựng chính sách, pháp luật

1. Tổng Liên đoàn Lao động Việt Nam có quy định trình độ kiến thức, pháp luật ra theo Quy chế, ý ban thường vụ Quy chế.

2. Công đoàn các cấp có quy định kỹ năng việc quản lý nhà nước có thẩm quyền xây dựng, sửa đổi, bổ sung chính sách, pháp luật có liên quan đến thị trường công nhân, quy định, nghĩa vụ của người lao động.

Điểm 13. Tham gia các phiên họp, cuộc họp, khảo sát và hội nghị

Chỉ thị của Tổng Liên đoàn Lao động Việt Nam, chỉ thị công đoàn các cấp có quy định, trách nhiệm tham gia các phiên họp, cuộc họp, khảo sát và hội nghị của các cấp, quan hệ, tổ chức hữu quan cùng cấp khi bàn và quyết định những vấn đề liên quan đến quy định, nghĩa vụ của người lao động.

Điểm 14. Tham gia thanh tra, kiểm tra, giám sát hoạt động của các quan hệ, tổ chức, doanh nghiệp

1. Tham gia, phối hợp với cơ quan nhà nước có thẩm quyền thanh tra, kiểm tra, giám sát việc thực hiện chính sách, pháp luật về lao động, công đoàn, cán bộ, công chức, viên chức, bồi dưỡng xã hội, bồi dưỡng kỹ thuật và chuyên môn, chính sách, pháp luật khác có liên quan đến quy định, nghĩa vụ của người lao động; kiểm tra tại nơi làm việc, bên ngoài nơi làm việc.

2. Khi tham gia, phối hợp thanh tra, kiểm tra, giám sát theo quy định thì khoản 1 điều này, Công đoàn có quy định sau đây:

a) Yêu cầu cơ quan, tổ chức, doanh nghiệp cung cấp thông tin, tài liệu và ghi chép trình bày về nội dung có liên quan;

b) Kiểm tra bí mật pháp luật, thi đấu, kiểm tra nội bộ, kiểm tra nội bộ, kiểm tra nội bộ và xử lý hành vi vi phạm pháp luật;

c) Trường hợp phát hiện nội dung làm việc có yếu tố nguy hiểm, mất an toàn, tính mạng người lao động, Công đoàn có quy định yêu cầu cơ quan, tổ chức, doanh nghiệp, cá nhân có trách nhiệm thực hiện ngay biện pháp khắc phục, bảo đảm an toàn lao động, kiểm tra nội bộ, kiểm tra nội bộ.

Điều 15. Tuyên truyền, văn hóa, giáo dục người lao động

1. Tuyên truyền người lao động, chính sách của Đảng, pháp luật của Nhà nước liên quan đến Công đoàn, người lao động; quy định của Công đoàn.

2. Tuyên truyền, văn hóa, giáo dục người lao động học tập, nâng cao trình độ chính trị, văn hóa, chuyên môn, kỹ năng nghề nghiệp, ý thức chấp hành pháp luật, nếp sống, quy định của cơ quan, tổ chức, doanh nghiệp.

3. Tuyên truyền, văn hóa, giáo dục người lao động thực hiện tiết kiệm, chống lãng phí, đấu tranh phòng, chống tham nhũng.

Điều 16. Phát triển đoàn viên công đoàn và công đoàn cơ sở

1. Công đoàn có quy định, trách nhiệm phát triển đoàn viên công đoàn và công đoàn cơ sở trong cơ quan, tổ chức, doanh nghiệp.

2. Công đoàn cấp trên trực tiếp cơ sở có quy định, trách nhiệm cử cán bộ công đoàn cơ sở cơ quan, tổ chức, doanh nghiệp tuyên truyền, văn hóa, hướng dẫn người lao động thành lập, gia nhập và hoạt động công đoàn.

Điều 17. Quy định, trách nhiệm của công đoàn cấp trên trực tiếp cơ sở về việc người lao động cơ quan, tổ chức, doanh nghiệp chấp hành thành lập công đoàn cơ sở

c quan, t ch c, doanh nghi p ch a thành l p công oàn c s , công oàn c p trên tr c ti p c s có quy n, trách nhi m i di n, b o v quy n, l i ích h p pháp, chính áng c a ng i lao ng khi c ng i lao ng ó yêu c u.

M c 2. QUY N VÀ TRÁCH NH M C A OÀN VIÊN CÔNG OÀN

i u 18. Quy n c a oàn viên công oàn

1. Yêu c u Công oàn i di n, b o v quy n, l i ích h p pháp, chính áng khi b xâm ph m.

2. c thông tin, th o lu n, xu t và bi u quy t công vi c c a Công oàn; c thông tin v ng l i, ch tr ng, chính sách c a ng và pháp lu t c a Nhà n c liên quan n Công oàn, ng i lao ng; quy nh c a Công oàn.

3. ng c , c , b u c c quan lãnh o công oàn theo quy nh c a i u 1 Công oàn Vi t Nam; ch t v n cán b lãnh o công oàn; ki n ngh x lý k lu t cán b công oàn có sai ph m.

4. c Công oàn t v n pháp lu t, tr giúp pháp lý mi n phí pháp lu t v lao ng, công oàn.

5. c Công oàn h ng d n giúp tìm vi c làm, h c ngh ; th m h i, giúp lúc m au ho c khi g p hoàn c nh khó kh n.

6. Tham gia ho t ng v n hoá, th thao, du l ch do Công oàn t ch c.

7. xu t v i Công oàn ki n ngh c quan, t ch c, doanh nghi p v vi c th c hi n ch , chính sách, pháp lu t i v i ng i lao ng.

i u 19. Trách nhi m c a oàn viên công oàn

1. Ch p hành và th c hi n i u l Công oàn Vi t Nam, ngh quy t c a Công oàn; tham gia các ho t ng công oàn, xây d ng t ch c công oàn v ng m nh.

2. H c t p nâng cao trình chính tr , v n hoá, chuyên môn, k n ng ngh nghi p; rèn luy n ph m ch t giai c p công nhân; s ng và làm vi c theo Hi n pháp và pháp lu t.

3. oàn k t, giúp ng nghi p nâng cao trình , k n ng ngh nghi p, lao ng có hi u qu và b o v quy n, l i ích h p pháp, chính áng c a ng i lao ng và t ch c công oàn.

Chương III
TRÁCH NHIỆM CỦA NHÀ NƯỚC, CƠ QUAN, TỔ CHỨC,
DOANH NGHIỆP VÀ CÔNG ĐOÀN

Điều 20. Quan hệ giữa Công đoàn với Nhà nước, cơ quan, tổ chức, doanh nghiệp

Quan hệ giữa Công đoàn với Nhà nước, cơ quan, tổ chức, doanh nghiệp là quan hệ hợp tác, phối hợp thực hiện chức năng, quyền, trách nhiệm của các bên theo quy định của pháp luật, góp phần xây dựng quan hệ lao động hài hòa, ổn định và tiến bộ.

Điều 21. Trách nhiệm của Nhà nước với Công đoàn

1. Bộ máy, hệ thống tổ chức và nhiệm vụ cho Công đoàn thực hiện chức năng, quyền, trách nhiệm theo quy định của pháp luật.

2. Tuyên truyền, phổ biến, giáo dục pháp luật về lao động, công đoàn và quy định khác của pháp luật có liên quan tới tổ chức công đoàn, quyền, nghĩa vụ của người lao động; thanh tra, kiểm tra, giám sát và xử lý hành vi vi phạm pháp luật về công đoàn; phối hợp với Công đoàn chăm lo và bảo vệ quyền, lợi ích hợp pháp, chính đáng của người lao động.

3. Lựa chọn kinh phí của Công đoàn khi xây dựng chính sách, pháp luật liên quan trực tiếp tới tổ chức công đoàn, quyền, nghĩa vụ của người lao động.

4. Phối hợp và tạo điều kiện Công đoàn tham gia quản lý nhà nước, quản lý kinh tế - xã hội, đối ngoại, bảo vệ quyền, lợi ích hợp pháp, chính đáng của người lao động.

Điều 22. Trách nhiệm của cơ quan, tổ chức, doanh nghiệp với Công đoàn

1. Phối hợp với Công đoàn thực hiện chức năng, quyền, nghĩa vụ của các bên theo quy định của pháp luật.

2. Tạo điều kiện cho người lao động thành lập, gia nhập và hoạt động công đoàn.

3. Phối hợp với công đoàn cùng cấp xây dựng, ban hành và thực hiện quy chế phối hợp hoạt động.

4. Thanh toán và tạo điều kiện công đoàn cơ sở thực hiện quyền, trách nhiệm theo quy định của pháp luật.

5. Trao i, cung c p y , chính xác, k p th i thông tin liên quan n t ch c, ho t ng c a c quan, t ch c, doanh nghi p theo quy nh c a pháp lu t khi Công oàn ngh .

6. Ph i h p v i Công oàn t ch c i tho i, th ng l ng, ký k t, th c hi n tho c lao ng t p th và quy ch dân ch c s .

7. L y ý ki n c a công oàn cùng c p tr c khi quy t nh nh ng v n liên quan n quy n, ngh a v c a ng i lao ng.

8. Ph i h p v i Công oàn gi i quy t tranh ch p lao ng và nh ng v n liên quan n vi c th c hi n pháp lu t v lao ng.

9. B o m i u ki n ho t ng công oàn, cán b công oàn và óng kinh phí công oàn theo quy nh t i các i u 24, 25 và 26 c a Lu t này.

Ch ng IV **NH NG B O M H O T NG C A CÔNG OÀN**

i u 23. B o m v t ch c, cán b

1. Công oàn các c p c b o m v t ch c và s l ng cán b , công ch c th c hi n ch c n ng, quy n, trách nhi m theo quy nh c a pháp lu t.

2. T ng Liên oàn Lao ng Vi t Nam xây d ng c c u t ch c b máy và ch c danh cán b công oàn trình c quan có th m quy n quy t nh ho c quy t nh theo th m quy n.

3. C n c vào yêu c u nhi m v c a t ng công oàn c s và s l ng lao ng trong c quan, t ch c, doanh nghi p, c quan có th m quy n qu n lý cán b công oàn quy t nh b trí cán b công oàn chuyên trách.

i u 24. B o m i u ki n ho t ng công oàn

1. C quan, t ch c, doanh nghi p có trách nhi m b trí n i làm vi c và t o i u ki n v ph ng t i n làm vi c c n thi t cho công oàn cùng c p ho t ng.

2. Cán b công oàn không chuyên trách c s d ng 24 gi làm vi c trong m t tháng i v i Ch t ch, Phó Ch t ch công oàn c s ; 12 gi làm vi c trong 01 tháng i v i y viên Ban ch p hành, T tr ng, T phó t công oàn làm công tác công oàn và c n v s d ng lao ng tr l ng. Tu theo quy mô c quan, t ch c, doanh nghi p mà Ban Ch p hành công oàn c s và n v s d ng lao ng tho thu n v th i gian t ng thêm.

3. Cán b công oàn không chuyên trách c ngh làm vi c và c h ng l ng do n v s d ng lao ng chi tr trong nh ng ngày tham d cu c h p, t p

hu n do công oàn c p trên tri u t p; chi phí i l i, n và sinh ho t trong nh ng ngày tham d cu c h p, t p hu n do c p công oàn tri u t p chi tr .

4. Cán b công oàn không chuyên trách do n v s d ng lao ng tr l ng, c h ng ph c p trách nhi m cán b công oàn theo quy nh c a T ng Liên oàn Lao ng Vi t Nam.

5. Cán b công oàn chuyên trách do Công oàn tr l ng, c n v s d ng lao ng b o m quy n l i và phúc l i t p th nh ng i lao ng ang làm vi c trong c quan, t ch c, doanh nghi p.

i u 25. B o m cho cán b công oàn

1. Tr ng h p h p ng lao ng, h p ng làm vi c h t h n mà ng i lao ng là cán b công oàn không chuyên trách ang trong nhi m k thì c gia h n h p ng lao ng, h p ng làm vi c n h t nhi m k .

2. n v s d ng lao ng không c n ph ng ch m d t h p ng lao ng, h p ng làm vi c, sa th i, bu c thôi vi c ho c thuyên chuy n công tác i v i cán b công oàn không chuyên trách n u không có ý ki n th a thu n b ng v n b n c a Ban ch p hành công oàn c s ho c Ban ch p hành công oàn c p trên tr c ti p c s . Tr ng h p không th a thu n c, hai bên ph i báo cáo v i c quan, t ch c có th m quy n. Sau 30 ngày, k t ngày báo cáo cho c quan, t ch c có th m quy n, n v s d ng lao ng có quy n quy t nh và ph i ch u trách nhi m v quy t nh c a mình.

3. Tr ng h p ng i lao ng là cán b công oàn không chuyên trách b c quan, t ch c, doanh nghi p ch m d t h p ng lao ng, h p ng làm vi c, bu c thôi vi c ho c sa th i trái pháp lu t thì Công oàn có trách nhi m yêu c u c quan nhà n c có th m quy n can thi p; n u c y quy n thì Công oàn i di n kh i ki n t i Tòa án b o v quy n, l i ích h p pháp cho cán b công oàn; ng th i h tr tìm vi c làm m i và tr c p trong th i gian gián o n vi c làm theo quy nh c a T ng Liên oàn Lao ng Vi t Nam.

i u 26. Tài chính công oàn

Tài chính công oàn g m các ngu n thu sau ây:

1. oàn phí công oàn do oàn viên công oàn óng theo quy nh c a i u l Công oàn Vi t Nam;

2. Kinh phí công oàn do c quan, t ch c, doanh nghi p óng b ng 2% qu t i n l ng làm c n c óng b o hi m xã h i cho ng i lao ng;

3. Ngân sách nhà n c c p h tr ;

4. Nguồn thu khác từ hoạt động văn hóa, thể thao, hoạt động kinh tế của Công đoàn; tài sản, dự án do Nhà nước giao; tài sản từ, tài trợ của tổ chức, cá nhân trong nước và nước ngoài.

Điều 27. Quản lý, sử dụng tài chính công đoàn

1. Công đoàn thực hiện quản lý, sử dụng tài chính công đoàn theo quy định của pháp luật và quy định của Tổng Liên đoàn Lao động Việt Nam.

2. Tài chính công đoàn được sử dụng cho hoạt động thực hiện quy định, trách nhiệm của Công đoàn và duy trì hoạt động của hệ thống công đoàn, bao gồm các nhiệm vụ sau đây:

a) Tuyên truyền, phổ biến, giáo dục công dân, chiến tranh, chính sách của Đảng, pháp luật của Nhà nước; nâng cao trình độ chuyên môn, kỹ năng nghề nghiệp cho người lao động;

b) Tổ chức hoạt động điền dã, bồi dưỡng quy định, lợi ích hợp pháp, chính đáng của người lao động;

c) Phát triển đoàn viên công đoàn, thành lập công đoàn cơ sở, xây dựng công đoàn vững mạnh;

d) Tổ chức phong trào thi đua do Công đoàn phát động;

e) Đào tạo, bồi dưỡng cán bộ công đoàn; đào tạo, bồi dưỡng người lao động ưu tú, tốt nghiệp cán bộ cho Đảng, Nhà nước và tổ chức công đoàn;

f) Tổ chức hoạt động văn hóa, thể thao, du lịch cho người lao động;

g) Tổ chức hoạt động vui chơi và bình đẳng giới;

h) Tham mưu, trợ giúp cho đoàn viên công đoàn và người lao động khi ốm đau, thai sản, hôn nhân, khó khăn; tổ chức hoạt động chăm lo khác cho người lao động;

i) Công nhận, khen thưởng người lao động, con của người lao động có thành tích trong học tập, công tác;

k) Trợ giúp cho cán bộ công đoàn chuyên trách, phân công trách nhiệm cho cán bộ công đoàn không chuyên trách;

l) Chi cho hoạt động của ban máy công đoàn các cấp;

m) Các nhiệm vụ khác.

Điều 28. Tài sản công đoàn

Tài sản hình thành từ nguồn đóng góp của toàn viên công đoàn, tài sản vốn của Công đoàn; tài sản do Nhà nước chuyển giao quy định cho Công đoàn và các nguồn khác phù hợp với quy định của pháp luật là tài sản thuộc sở hữu của Công đoàn.

Tổng Liên đoàn Lao động Việt Nam thực hiện quy định, trách nhiệm sở hữu tài sản của Công đoàn theo quy định của pháp luật.

Điều 29. Kiểm tra, giám sát tài chính Công đoàn

1. Công đoàn cấp trên hướng dẫn, kiểm tra và giám sát việc thực hiện công tác tài chính của công đoàn cấp dưới theo quy định của pháp luật và quy định của Tổng Liên đoàn Lao động Việt Nam.

2. Cơ quan kiểm tra của Công đoàn kiểm tra việc quản lý, sử dụng tài chính của Công đoàn theo quy định của pháp luật và quy định của Tổng Liên đoàn Lao động Việt Nam.

3. Cơ quan nhà nước có thẩm quyền giám sát, kiểm tra, thanh tra, kiểm toán việc quản lý, sử dụng tài chính của Công đoàn theo quy định của pháp luật.

Chương V **GIẢI QUYẾT TRANH CHẤP, XỬ LÝ VI PHẠM PHÁP LUẬT** **V CÔNG ĐOÀN**

Điều 30. Giải quyết tranh chấp về quy định công đoàn

Khi phát sinh tranh chấp về quy định công đoàn giữa toàn viên công đoàn, người lao động, tổ chức công đoàn và cơ quan, tổ chức, doanh nghiệp thì thẩm quyền, trình tự, thủ tục giải quyết tranh chấp thực hiện theo quy định sau đây:

1. Tranh chấp thuộc phạm vi quy định, trách nhiệm của Công đoàn trong quan hệ lao động thì thẩm quyền, trình tự, thủ tục giải quyết theo pháp luật về giải quyết tranh chấp lao động;

2. Tranh chấp thuộc phạm vi quy định, trách nhiệm của Công đoàn trong các quan hệ khác thì thẩm quyền, trình tự, thủ tục giải quyết theo pháp luật tương ứng có liên quan;

3. Tranh chấp liên quan đến việc không thực hiện hoặc thực hiện trách nhiệm của nhân viên sử dụng lao động và Công đoàn thì công đoàn cấp trên hoặc công đoàn cấp trên trực tiếp cấp sơ thẩm nghiên cứu quan nhà nước có thẩm quyền giải quyết hoặc khởi kiện tại Tòa án theo quy định của pháp luật.

Điều 31. Xử lý vi phạm pháp luật về công đoàn

1. Cơ quan, tổ chức, doanh nghiệp, cá nhân có hành vi vi phạm quy định của Luật này và quy định khác của pháp luật có liên quan thì tùy theo tính chất, mức độ vi phạm mà bị xử lý kỷ luật, xử phạt vi phạm hành chính, bị đình chỉ thi hành hoặc truy cứu trách nhiệm hình sự theo quy định của pháp luật.

2. Chính phủ quy định chi tiết và xử phạt vi phạm hành chính về vi phạm hành vi vi phạm pháp luật về công đoàn.

Chương VI **I U KHO N THI HÀNH**

Điều 32. Hi u l c thi hành

Lu t này có hi u l c thi hành t ngày 01 tháng 01 n m 2013.

Lu t Công oàn n m 1990 h t hi u l c k t ngày Lu t này có hi u l c.

Điều 33. Quy định chi tiết và hướng dẫn thi hành

Chính phủ quy định chi tiết, hướng dẫn thi hành các điều, khoản của giao trong Luật.

Lu t này ã c Quốc h i n c Cộng hòa xã h i ch ngh a Vi t Nam khóa XIII, k h p th 3 thông qua ngày 20 tháng 6 n m 2012.

CH T CH QU C H I

(ã ký)

Nguyễn Sinh Hùng

L I G I I T H I U

Chi u ngày 20/6/2012, Qu c h i n c C ng hòa Xã h i Ch ngh a Vi t Nam thông qua Lu t Công oàn (s a i) v i 450/474 i bi u tán thành (90,18%). Lu t Công oàn (s a i) s có hi u l c t 01/01/2013.

Lu t Công oàn (s a i) là c s pháp lý quan tr ng cho ho t ng công oàn, kh ng nh a v pháp lý, vai trò c a công oàn trong th ch chính tr c a xã h i VN; quy n, trách nhi m và c ch m b o công oàn th c hi n t t ch c n ng c a công oàn trong th i k y m nh công nghi p hóa, hi n i hóa t n c, h i nh p kinh t qu c t .

Lu t Công oàn (s a i) g m 6 ch ng, 33 i u, t ng 2 ch ng và 14 i u so v i Lu t Công oàn 1990. Lu t Công oàn (s a i) ã th ch hóa các quan i m, ng l i c a ng v hoàn thi n, phát tri n n n kinh t th tr ng, nh h ng xã h i ch ngh a và th c hi n Ngh quy t s 20-NQ/TW ngày 28/1/2008 c a Ban Ch p hành Trung ng ng, khóa X v : “Ti p t c xây d ng giai c p công nhân Vi t Nam th i k y m nh công nghi p hóa, hi n i hóa t n c”. Lu t Công oàn (s a i) c ti n hành ng th i v i s a i toàn di n B lu t Lao ng n m 1994, b o m tính th ng nh t ng b c a pháp lu t v công nhân, lao ng và công oàn.

Lu t Công oàn (s a i) ã xác nh rõ i t ng, ph m vi i u ch nh liên quan n công oàn. Ph m vi i u ch nh c a Lu t Công oàn (s a i) bao g m: S công nh n v m t pháp lý c a Nhà n c i v i quy n công oàn i v i ng i lao ng; các quy n c b n c a t ch c công oàn; qui nh trách nhi m c a Nhà n c, c quan nhà n c và các t ch c, n v, doanh nghi p i v i ho t ng công oàn; nh ng b o m c a Nhà n c cho ho t ng c a công oàn.

c bi t, Lu t Công oàn (s a i) ã lu t hóa qui nh t t c các c quan, t ch c, doanh nghi p óng kinh phí công oàn b ng 2% qu ti n l ng làm c n c óng b o hi m xã h i cho ng i lao ng (kho n 2, i u 26). Qui nh này c xây d ng trên c s nghiê n c u v lý lu n, pháp lý và t ng k t th c ti n trên 20 n m ho t ng công oàn. Công oàn không ch có trách nhi m b o v quy n, l i ích c a oàn viên công oàn mà còn có trách nhi m b o v quy n, l i ích c a ng i lao ng. Lu t Công oàn (s a i) c ng qui nh v trách nhi m c a công oàn c p trên tr c ti p trong v i c tuyên truy n, v n ng, b o v quy n l i c a ng i lao ng t i nh ng n i ch a có t ch c công oàn c s . Qui nh t i i u 26 Lu t Công oàn (s a i) s t o i u ki n v t ch t cho công oàn c p trên tr c ti p c s th c hi n t t quy n và trách nhi m i di n, b o v quy n, l i ích h p pháp, chính áng c a ng i lao ng t i nh ng n i ch a có t ch c công oàn, t o i u ki n cho t ch c công oàn th c hi n các ch c n ng, nhi m v to l n c a ng và Nhà n c giao phó. Qui nh này c ng kh c ph c tình tr ng c quan, t ch c, doanh nghi p n i ch a thành l p t ch c công oàn c s không tích c c ng h , t o i u ki n thành l p công oàn, tr n trách trách nhi m óng kinh phí công oàn.

Ngu n <http://www.congdoanvn.org.vn/details.asp?l=1&c=264&c2=264&m=5896>